| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN GÒ QUAO**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 41/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15/5/2025.
V/v: Ly hôn.

# NHÂN DANH

## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phan Thị Thùy Trang.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Lê Hữu Quang.

2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 111/2025/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2025, về việc: "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn N - sinh ngày 01/01/1963, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T - sinh ngày 19/3/1959, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 09/4/2025, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn ông Lê Văn N như sau:

Ông sống chung với bà Nguyễn Thị T vào năm 1995, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng ông bà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông bà sống hạnh phúc được hơn 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, khác biệt trong cách sống, quan điểm sống nên không còn tiếng nói chung. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2000 đến nay. Sau thời gian mâu thuẫn và sống ly thân, ông xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được, ông không còn tình cảm yêu thương bà Nguyễn Thị T nên ông yêu cầu tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Thời gian chung sống vợ chồng có 01 người con chung tên Lê Minh T1 - sinh ngày 21/01/1996.

Về tài sản chung: Ông bà không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông cam đoan ông bà không có nợ chung.

Nguyện vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Ông xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Hiện con chung của ông bà đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của ông Lê Văn N về thời gian hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung, ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Nguyện vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn với ông Lê Văn N.

Về con chung, tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam đoan ông bà không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị T không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị T.

[2] Về hôn nhân: Ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị T là hôn nhân tự nguyện, ông bà có tổ chức đám cưới theo phong tục nhưng ông bà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986. Trong quá trình chung sống, ông bà cũng không có đăng ký kết hôn, do ông bà không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân không hợp pháp nên căn cứ vào Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị T xác định ông bà có 01 người con chung tên Lê Minh T1 - sinh ngày 21/01/1996, hiện đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy, Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Ông Lê Văn N có đơn xin miễn án phí theo quy định của pháp luật và ông Lê Văn N là người cao tuổi nên ông Lê Văn N là đối tượng được

miễn án phí. Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Lê Văn N được miễn nộp phần án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà ông Lê Văn N phải nộp là 300.000đồng.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 9 và 53 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Lê Văn N được miễn nộp án phí.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Phan Thị Thùy Trang**